

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7-CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/DS-ST
Ngày: 20/01/2026
*V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7-CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Hồng Chi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Tài Em

2. Ông Liêu Tài Ngoánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Tào Diệu Như, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7-Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7-Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Kiên, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7-Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 211/2025/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tạ Thị Kim T, sinh ngày 01/11/1961. Căn cước công dân số 095161005654, cấp ngày 01/01/1961. Địa chỉ: Ấp C, xã V, tỉnh Cà Mau (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1965. Cùng địa chỉ: Ấp X, xã V, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm N, sinh ngày 03/4/1957. Căn cước công dân số 046057005393, cấp ngày 10/05/2021. Địa chỉ: Ấp C, xã V, tỉnh Cà Mau (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/6/2025, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Tạ Thị Kim T trình bày: Vào ngày 24/7/2023 (âm lịch), bà Tạ Thị Kim T và ông Phạm N có cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Ú vay tổng số tiền gốc 110.000.000 đồng; hai bên có thỏa thuận lãi suất là 3%, hàng tháng ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Ú có nghĩa vụ trả tiền lãi suất cho bà Tạ Thị Kim T và ông Phạm N vào ngày 25 hàng tháng với số tiền lãi suất là 3.300.000 đồng. Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Ú có hứa sẽ thanh toán cho bà Tạ Thị Kim T và ông Phạm N số tiền gốc là 110.000.000 đồng trước tháng 4 năm

2025. Khi nhận tiền vay, ông Nguyễn Văn H có ký tên vào giấy mượn tiền đề ngày 24/7/2023 (âm lịch) nhưng không có ai khác trực tiếp chứng kiến. Mục đích ông Nguyễn Văn H vay bà Tạ Thị Kim T và ông Phạm N để làm ăn phát triển kinh tế gia đình.

Từ khi vay cho đến nay, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Ú không có trả tiền lãi suất và cũng không có trả tiền gốc cho bà Tạ Thị Kim T và ông Phạm N theo như giấy mượn tiền vào ngày 24/7/2023 (âm lịch). Bà Tạ Thị Kim T và ông Phạm N đã nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Ú trả tiền nợ gốc và tiền nợ lãi suất nhưng ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Ú chỉ hứa hẹn nhưng không thực hiện.

Nay bà Tạ Thị Kim T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Ú có nghĩa vụ trả cho bà Tạ Thị Kim T và ông Phạm N số tiền gốc 110.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định pháp luật là 10%/năm tính từ ngày 24/7/2023 (âm lịch) đến khi trả nợ xong, tạm tính đến ngày 20/01/2026 hơn số tiền 21.000.000 đồng nhưng bà Tạ Thị Kim T chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Ú trả số tiền lãi suất là 21.000.000 đồng; tổng cộng là 131.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời ngày 21/11/2025, các lời khai tại Tòa án bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Vào khoảng từ năm 2018, ông Nguyễn Văn H có nhiều lần hỏi vay tiền của bà Tạ Thị Kim T để xoay sở chi phí sinh hoạt hàng ngày của gia đình của ông Nguyễn Văn H. Đến khoảng năm 2023, ông Nguyễn Văn H có ký tên vào Giấy mượn tiền đề ngày 24/7/2023 (âm lịch) với số tiền gốc 110.000.000 đồng của bà Tạ Thị Kim T. Số tiền 110.000.000 đồng là tổng số tiền mà ông Nguyễn Văn H đã vay của bà Tạ Thị Kim T nhiều lần và ông Nguyễn Văn H cam kết trả hết nợ cho bà Tạ Thị Kim T vào tháng 4 năm 2025 nhưng do hoàn cảnh gia đình ông Nguyễn Văn H khó khăn nên hiện nay ông Nguyễn Văn H vẫn chưa trả hết số tiền trên cho bà Tạ Thị Kim T. Đồng thời, hằng tháng ông Nguyễn Văn H vẫn trả tiền lãi suất 3.000.000 đồng/tháng đầy đủ cho bà Tạ Thị Kim T. Hiện nay, ông Nguyễn Văn H đang bán đất để trả tiền cho bà Tạ Thị Kim T nhưng chưa bán đất được nên ông Nguyễn Văn H chưa có tiền để trả cho bà Tạ Thị Kim T. Việc ông Nguyễn Văn H vay tiền của bà Tạ Thị Kim T để cho con vốn làm ăn và phục vụ chi phí sinh hoạt gia đình hàng ngày.

Hiện nay, bà Tạ Thị Kim T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả số tiền gốc là 110.000.000 đồng và yêu cầu lãi tính từ ngày 24/7/2023 đến khi trả xong nợ và lãi tạm tính đến ngày 24/6/2025 là 21.000.000 đồng cho bà Tạ Thị Kim T thì ông Nguyễn Văn H đồng ý trả nợ cho bà Tạ Thị Kim T và đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị Kim T nhưng hiện nay ông Nguyễn Văn H chưa có khả năng để tiền trả cho bà Tạ Thị Kim T; đến khi nào ông Nguyễn Văn H bán được đất thì trả nợ cho bà Tạ Thị Kim T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2026, bị đơn bà Nguyễn Thị Ú trình bày: Bà Nguyễn Thị Ú và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng chung sống với nhau đến nay đã hơn 37 năm, vợ chồng chung sống không có đăng ký kết hôn. Trong

quá trình chung sống với nhau, vợ chồng bà Nguyễn Thị Ú và ông Nguyễn Văn H cùng nhau chăn nuôi heo và trồng rẫy để chăm lo cho cuộc sống gia đình và lo cho các con.

Việc ông Nguyễn Văn H mượn tiền của bà Tạ Thị Kim T thì bà Nguyễn Thị Ú hoàn toàn không biết và cũng không rõ ông Nguyễn Văn H mượn của bà Tạ Thị Kim T bao nhiêu tiền và lãi suất ra sao. Bà Nguyễn Thị Ú chỉ biết khoảng năm 2023, ông Nguyễn Văn H có mượn tiền ai đó cho con vốn làm ăn và chăm lo cho cuộc sống hằng ngày.

Nay bà Nguyễn Thị Ú không đồng ý cùng với ông Nguyễn Văn H trả nợ cho bà Tạ Thị Kim T do đây là giao dịch vay tiền giữa ông Nguyễn Văn H và bà Tạ Thị Kim T, không liên quan gì đến bà Nguyễn Thị Ú.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/12/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm N trình bày: Ông Phạm N thống nhất với lời trình bày của bà Tạ Thị Kim T về giao dịch vay tiền giữa bà Tạ Thị Kim T với ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Ú. Nay ông Phạm N thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị Kim T đối với ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Ú.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7-Cà Mau phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị Kim T đối với ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Ú về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Ú trả cho bà Tạ Thị Kim T số tiền gốc 110.000.000 đồng và tiền lãi suất trên số tiền vay gốc 110.000.000 đồng kể từ ngày 24/7/2023 (âm lịch) đến khi trả nợ xong, tạm tính đến ngày xét xử 20/01/2026 với mức lãi suất 10%/năm là 21.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Ú phải chịu theo quy định của pháp luật. Bà Tạ Thị Kim T được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Tạ Thị Kim T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Ú thanh toán cho bà Tạ Thị Kim T số tiền vay còn nợ. Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố

tụng dân sự. Hiện nay, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Ú đang cư trú tại ấp X, xã V, tỉnh Cà Mau. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 7-Cà Mau, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà Tạ Thị Kim T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Ú đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Ú vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Tạ Thị Kim T, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Ú và ông Phạm N theo quy định tại khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Bà Tạ Thị Kim T yêu cầu ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Ú phải thanh toán cho bà Tạ Thị Kim T số tiền nợ gốc là 110.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà Tạ Thị Kim T cung cấp cho Tòa án 01 giấy mượn tiền ngày 24/7/2023 (âm lịch) có nội dung ông Nguyễn Văn H có mượn của bà Tạ Thị Kim T số tiền 110.000.0000 đồng. Trong quá trình làm việc, ông Nguyễn Văn H thừa nhận ông Nguyễn Văn H có nhiều lần vay tiền của bà Tạ Thị Kim T. Ông Nguyễn Văn H thừa nhận ông Nguyễn Văn H có vay của bà Tạ Thị Kim T số tiền gốc là 110.000.000 đồng. Đồng thời, ông Nguyễn Văn H cũng thừa nhận chữ ký trên giấy mượn tiền 24/7/2023 (âm lịch) là do ông Nguyễn Văn H trực tiếp ký ra. Do vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định ông Nguyễn Văn H có nợ của bà Tạ Thị Kim T số tiền gốc là 110.000.000 đồng.

[4] Bà Tạ Thị Kim T yêu cầu ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Ú phải thanh toán cho bà Tạ Thị Kim T số tiền lãi suất của số tiền gốc 110.000.000 đồng kể từ ngày 24/7/2023 (âm lịch) là ngày 08/9/2023 dương lịch, đến ngày xét xử sơ thẩm 20/01/2025 với lãi suất 10%/năm hơn số tiền 21.000.000 đồng nhưng bà Tạ Thị Kim T chỉ yêu cầu số tiền lãi suất là 21.000.000 đồng. Bà Tạ Thị Kim T và ông Nguyễn Văn H đều thống nhất khi vay tiền hai bên có thỏa thuận tiền lãi suất. Ông Nguyễn Văn H cho rằng ông Nguyễn Văn H có trả cho bà Tạ Thị Kim T số tiền lãi suất đầy đủ hàng tháng là 3.000.000 đồng nhưng bà Tạ Thị Kim T lại không thừa nhận. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn H không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh việc ông Nguyễn Văn H có trả cho bà Tạ Thị Kim T số tiền lãi suất hàng tháng là 3.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của ông Nguyễn Văn H. Do vậy, bà Tạ Thị Kim T yêu cầu ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Ú trả tiền lãi suất với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu trả tiền lãi suất của bà Tạ Thị Kim T theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày 24/7/2023 (âm lịch) là ngày 08/9/2023 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/01/2026) là 21.000.000 đồng.

[5] Bà Nguyễn Thị Ú cho rằng việc ông Nguyễn Văn H vay tiền của bà Tạ Thị Kim T thì bà Nguyễn Thị Ú hoàn toàn không biết và cũng không có nhận

tiền của bà Tạ Thị Kim T; đây là giao dịch riêng của ông Nguyễn Văn H nên bà Nguyễn Thị Ú không đồng ý cùng với ông Nguyễn Văn H trả số tiền vay và tiền lãi suất cho bà Tạ Thị Kim T. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Ú cũng thừa nhận bà Nguyễn Thị Ú và ông Nguyễn Văn H chung sống hơn 37 năm và hiện nay vẫn còn là vợ chồng với nhau. Đồng thời, bà Nguyễn Thị Ú không có chứng cứ gì chứng minh số tiền nợ của bà Tạ Thị Kim T là nợ riêng của ông Nguyễn Văn H và cũng không có văn bản phân chia tài sản chung và nợ chung giữa bà Nguyễn Thị Ú và ông Nguyễn Văn H trong thời kỳ hôn nhân. Bà Nguyễn Thị Ú cũng biết được mục đích của ông Nguyễn Văn H vay tiền của bà Tạ Thị Kim T để chăm lo sinh hoạt trong gia đình và cho con vốn làm ăn. Do vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định tại thời điểm ông Nguyễn Văn H vay tiền của bà Tạ Thị Kim T thì bà Nguyễn Thị Ú và ông Nguyễn Văn H vẫn là vợ chồng hợp pháp, chung sống với nhau và cùng làm ăn, phát triển kinh tế gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định đây là nợ chung của bà Nguyễn Thị Ú và ông Nguyễn Văn H nên bà Nguyễn Thị Ú và ông Nguyễn Văn H phải cùng có trách nhiệm thanh toán nợ cho bà Tạ Thị Kim T tổng số tiền gốc và lãi suất là 131.000.000 đồng.

[6] Từ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị Kim T đối với ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Ú; buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Ú có nghĩa vụ thanh toán cho bà Tạ Thị Kim T tổng số tiền gốc 110.000.000 đồng và số tiền lãi suất là 21.000.000 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị Kim T đối với ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Ú được Toà án chấp nhận nên ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Ú phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải thanh toán cho bà Tạ Thị Kim T bằng $131.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 6.550.000 \text{ đồng}$. Bà Tạ Thị Kim T không có phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bà Tạ Thị Kim T được miễn án phí.

[8] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị Kim T đối với ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Ú về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Ú thanh toán cho bà Tạ Thị Kim T tổng số tiền gốc và lãi suất là 131.000.000 đồng (Một trăm ba mươi một triệu đồng).

2. Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Ú có nghĩa vụ thanh toán cho bà Tạ Thị Kim T tổng số tiền gốc và lãi suất là 131.000.000 đồng (Một trăm ba mươi một triệu đồng).

3. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Ú phải nộp số tiền 6.550.000 đồng (Sáu triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng). Bà Tạ Thị Kim T được miễn án phí.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 7-Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- CCTHADS khu vực 7-Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Dương Hồng Chi